



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán Thuế Tài chính doanh nghiệp Đào tạo

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN THÁC MƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 từ trang 6 đến trang 30 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2013 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Thanh Phú
Ông Lê Minh Tuấn
Ông Nguyễn Quang Quyền
Ông Ninh Viết Định
Ông Lưu Ngọc Mai Phi
Ông Nguyễn Anh Vũ

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/05/2013
Bổ nhiệm từ ngày 28/05/2013

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phú
Ông Lê Minh Tuấn
Ông Đinh Văn Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *lun*



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 17 tháng 03 năm 2014



Số: 69 /2014/UHY-BCKTĐL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17/03/2014, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Tự Trung

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1226-2013-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Phan Thanh Điền

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1496-2013-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		423.132.270.604	348.935.666.995
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	210.033.413.838	198.959.975.782
Tiền	111		2.321.132.591	4.166.906.431
Các khoản tương đương tiền	112		207.712.281.247	194.793.069.351
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	117.348.141.795	39.429.314.572
Đầu tư ngắn hạn	121		117.348.141.795	39.429.314.572
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		90.201.693.652	105.008.439.435
Phải thu khách hàng	131		57.810.481.172	83.794.159.522
Trả trước cho người bán	132		3.330.760.222	213.995.150
Các khoản phải thu khác	135	6	29.142.137.922	21.392.983.618
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(81.685.664)	(392.698.855)
Hàng tồn kho	140		5.286.590.411	5.138.094.645
Hàng tồn kho	141	7	5.286.590.411	5.138.094.645
Tài sản ngắn hạn khác	150		262.430.908	399.842.561
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		198.830.908	160.992.561
Tài sản ngắn hạn khác	158		63.600.000	238.850.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		886.538.541.275	965.846.862.497
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		542.324.111.275	666.695.194.369
Tài sản cố định hữu hình	221	8	533.107.015.793	657.215.174.219
- Nguyên giá	222		1.969.380.952.826	1.966.021.765.136
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.436.273.937.033)	(1.308.806.590.917)
Tài sản cố định vô hình	227	9	9.217.095.482	9.480.020.150
- Nguyên giá	228		10.069.564.760	10.069.564.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(852.469.278)	(589.544.610)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	344.214.430.000	299.151.668.128
Đầu tư vào công ty con	251		186.134.430.000	134.493.668.128
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.000.000.000	2.600.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		152.080.000.000	162.058.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.309.670.811.879	1.314.782.529.492

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		379.570.530.368	423.067.391.008
Nợ ngắn hạn	310		196.952.281.922	162.825.142.562
Vay và nợ ngắn hạn	311	11	98.936.000.000	77.624.000.000
Phải trả người bán	312		12.342.533.796	11.189.879.457
Người mua trả tiền trước	313		18.438.000	923.468.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	41.483.253.391	36.979.732.520
Phải trả người lao động	315		16.950.618.886	14.950.597.630
Chi phí phải trả	316	13	13.827.616.598	10.602.511.689
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	6.850.215.614	5.951.477.016
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.543.605.637	4.603.476.250
Nợ dài hạn	330		182.618.248.446	260.242.248.446
Vay và nợ dài hạn	334	15	182.618.248.446	260.242.248.446
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		930.100.281.511	891.715.138.484
Vốn chủ sở hữu	410	16	930.100.281.511	891.715.138.484
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		56.454.368.091	5.905.440.607
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	25.912.186.123
Quỹ dự phòng tài chính	418		24.215.409.893	17.074.246.893
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		149.430.503.527	142.823.264.861
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.309.670.811.879	1.314.782.529.492

Bình Phước, ngày 17 tháng 03 năm 2014

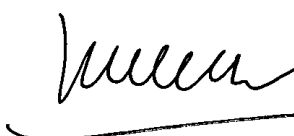
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hồ Thành Công



Huỳnh Văn Khánh



Nguyễn Thanh Phú

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	450.399.625.106	475.999.082.264
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		450.399.625.106	475.999.082.264
Giá vốn hàng bán	11	18	219.936.610.323	222.144.319.603
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		230.463.014.783	253.854.762.661
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	22.404.934.614	10.813.632.320
Chi phí tài chính	22	20	37.542.834.717	57.992.394.432
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		37.410.915.849	57.941.346.432
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.246.500.996	17.314.630.015
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		196.078.613.684	189.361.370.534
Thu nhập khác	31	21	974.080.571	9.596.956.359
Chi phí khác	32	22	47.747.128	8.457.381.608
Lợi nhuận khác	40		926.333.443	1.139.574.751
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		197.004.947.127	190.500.945.285
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	47.574.443.600	47.677.680.424
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		149.430.503.527	142.823.264.861
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	2.135	2.040

Bình Phước, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Hồ Thành Công


Huỳnh Văn Khánh




Nguyễn Thanh Phú

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		197.004.947.127	190.500.945.285
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		128.660.587.010	128.735.923.960
- Các khoản dự phòng	03		(311.013.191)	-
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(22.273.015.746)	(11.700.814.212)
- Chi phí lãi vay	06		37.410.915.849	57.941.346.432
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		340.492.421.049	365.477.401.465
- "Tăng/giảm" các khoản phải thu	09		14.989.394.098	100.450.793.227
- "Tăng/giảm" hàng tồn kho	10		(148.495.766)	828.044.329
- "Tăng/giảm" các khoản phải trả	11		15.047.485.625	5.065.989.618
- "Tăng/giảm" chi phí trả trước	12		809.288.209	(2)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(34.185.810.940)	(63.233.371.024)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(55.935.967.061)	(58.213.209.813)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(4.056.319.192)	(1.336.098.104)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		277.011.996.022	349.039.549.696
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.136.630.472)	(1.108.890.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	278.181.818
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(109.230.000.000)	(35.710.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		31.311.172.777	38.400.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(55.040.761.872)	(62.101.996.828)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9.845.772.890	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.659.945.811	12.109.799.786
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(105.590.500.866)	(48.132.905.224)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(56.312.000.000)	(77.624.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(104.036.057.100)	(55.318.363.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(160.348.057.100)	(132.942.363.400)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		11.073.438.056	167.964.281.072
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		198.959.975.782	30.995.694.710
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	210.033.413.838	198.959.975.782

Bình Phước, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hồ Thành Công

Huỳnh Văn Khánh

Nguyễn Thanh Phú

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 44.03.000.108 ngày 01/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 38.00.311.306 đã đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16/03/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Phước cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tổng Công ty Phát Điện 2 - Cổ đông nhà nước nắm giữ 36.341.500 cổ phần tương ứng với 363.415.000.000 đồng, chiếm 51,92% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 33.658.500 cổ phần tương ứng với 336.585.000.000 đồng, chiếm 48,08% vốn điều lệ.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18/06/2009 với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08/06/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp; cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ, đường thủy;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ; du lịch./.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với hệ thống kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được xây dựng trên cơ sở Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ được lập trên cơ sở hợp cộng Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Báo cáo tài chính của Trung tâm Dịch vụ và Sửa chữa Cơ điện.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản có hiệu lực thi hành từ ngày 10/06/2013 và được áp dụng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối năm là chi phí thực hiện các hợp đồng dịch vụ chưa hoàn thành.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh nguyên giá và khấu hao tương ứng nhưng không thực hiện điều chỉnh hồi tố cho số khấu hao đã trích.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	8 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất với 3 thửa đất tại Phước Long, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 34 năm, từ ngày 01/09/2009 đến ngày 15/10/2043.
- Quyền sử dụng đất tại Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 50 năm, từ ngày 07/09/2009 đến ngày 07/12/2059.

Quyền sử dụng đất của Công ty được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời gian sử dụng đất.

3.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kì hạn, và các khoản cho vay với thời hạn thu hồi dưới 12 tháng.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính này của Công ty theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phiếu và góp vốn với tỷ lệ nhỏ hơn 20% quyền biểu quyết. Tất cả các khoản đầu tư tài chính dài hạn được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Công ty chỉ ghi nhận doanh thu đối với các khoản lãi tiền gửi ngân hàng khi Công ty thực thu được bằng tiền, Công ty không thực hiện ước tính lãi dự thu đến ngày kết thúc năm tài chính.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có thực nhận bằng tiền khoản lãi.

3.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.11 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.12 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ là Các Công ty con, Công ty liên kết của Công ty, Tổng Công ty Phát Điện 2, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, cùng các Công ty con, Công ty liên kết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	577.414.524	987.636.793
Tiền gửi ngân hàng	1.743.718.067	3.179.269.638
Các khoản tương đương tiền (*)	207.712.281.247	194.793.069.351
Cộng	210.033.413.838	198.959.975.782

(*): Là tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 12 tháng	114.348.141.795	32.628.141.795
Cho Công ty Cổ phần Thủy Điện Đăkrosa vay thời hạn 1 năm	1.500.000.000	3.000.000.000
Cho Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ vay thời hạn 1 năm	1.500.000.000	3.801.172.777
Cộng	117.348.141.795	39.429.314.572

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Trả hộ BQLDA Thủy Điện Thác Mơ mở rộng	10.512.857.795	9.788.946.802
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	290.513.889	545.525.086
Phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk (*)	10.749.260.242	10.748.952.000
Phải thu Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	7.189.659.328	-
Phải thu khác	399.846.668	309.559.730
Cộng	29.142.137.922	21.392.983.618

(*): Theo Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk ngày 14/11/2012, Công ty sẽ giải thể và thanh lý tài sản. Các khoản vốn góp sẽ được hoàn trả cho các cổ đông góp vốn. Do đó, khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk được phân loại lại thành khoản phải thu ngắn hạn khác trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 của Công ty.

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.700.279.604	3.640.858.470
Công cụ, dụng cụ	240.121.402	545.233.987
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.346.189.405	952.002.188
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	5.286.590.411	5.138.094.645

CÔNG TY CỔ PHẦN THUYẾT ĐIỆN THÁC MƠ
Khu 5, P. Thác Mơ, Phước Long, Bình Phước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện, vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2013	1.242.435.277.754	597.935.083.753	114.901.676.652	10.749.726.977	1.966.021.765.136
- Mua trong năm	-	3.420.560.000	1.498.167.272	217.903.200	5.136.630.472
- Giảm khác (*)	(47.293.245)	(283.138.601)	(33.000.000)	(1.414.010.936)	(1.777.442.782)
Tại 31/12/2013	1.242.387.984.509	601.072.505.152	116.366.843.924	9.553.619.241	1.969.380.952.826
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ					
Tại 01/01/2013	688.685.240.588	522.092.933.015	88.676.248.520	9.352.168.794	1.308.806.590.917
- Khấu hao trong năm	42.771.238.732	73.923.922.378	11.472.162.436	230.338.796	128.397.662.342
- Giảm khác (*)	(41.749.007)	(252.714.822)	(29.450.313)	(606.402.084)	(930.316.226)
Tại 31/12/2013	731.414.730.313	595.764.140.571	100.118.960.643	8.976.105.506	1.436.273.937.033
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2013	553.750.037.166	75.842.150.738	26.225.428.132	1.397.558.183	657.215.174.219
Tại 31/12/2013	510.973.254.196	5.308.364.581	16.247.883.281	577.513.735	533.107.015.793

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

266.553.507.897 đồng
47.487.659.080 đồng

Nguyên giá tài sản có định tại ngày 31/12/2013 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

(*):Giảm nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Là giá trị quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất với 3 thửa đất tại Phước Long, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 34 năm, từ ngày 01/09/2009 đến ngày 15/10/2043. Tại ngày 31/12/2013, Nguyên giá của quyền sử dụng đất này là 5.803.347.185 đồng, Giá trị hao mòn lũy kế là 591.272.286 đồng, giá trị còn lại là 5.212.074.899 đồng.
- Quyền sử dụng đất tại Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 50 năm, từ ngày 07/09/2009 đến ngày 07/12/2059. Tại ngày 31/12/2013, Nguyên giá của quyền sử dụng đất này là 4.266.217.575 đồng, Giá trị hao mòn lũy kế là 261.196.992 đồng, giá trị còn lại là 4.005.020.583 đồng.

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/12/2013		Tại 01/01/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Giá trị VND
Đầu tư vào Công ty con	4.893.443		186.134.430.000	134.493.668.128
Công ty CP Mỹ Hưng Tây Nguyên		99,92	137.200.000.000	86.220.968.128
Công ty CP Thủy điện Đắkrosa	4.893.443	61,52	48.934.430.000	48.272.700.000
Đầu tư vào Công ty liên kết	600.000		6.000.000.000	2.600.000.000
Công ty CP Phong điện Thuận Bình	600.000	20	6.000.000.000	2.600.000.000
Đầu tư dài hạn khác	13.610.000		152.080.000.000	162.058.000.000
Công ty CP Cơ điện Đồng Nai	110.000	10	1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty CP Thủy điện Sêsan 4			-	9.978.000.000
Công ty CP Đầu tư Khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ			1.400.000.000	1.400.000.000
Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	13.500.000	3	149.580.000.000	149.580.000.000
Cộng	19.103.443		344.214.430.000	299.151.668.128

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Vay dài hạn đến hạn trả	98.936.000.000	77.624.000.000
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (*)	63.936.000.000	42.624.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (*)	35.000.000.000	35.000.000.000

(*) Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2014 (xem thêm chi tiết tại phần Thuyết minh số 15).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Thuế GTGT	591.821.659	1.707.024.455
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.107.803.404	14.469.326.865
Thuế thu nhập cá nhân	80.164.963	78.284.350
Thuế tài nguyên	901.329.125	1.791.293.790
Phí dịch vụ môi trường rừng	33.802.134.240	18.933.803.060
Cộng	41.483.253.391	36.979.732.520

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Lãi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	9.490.727.711	3.786.261.690
Lãi vay Công ty tài chính Cổ phần Điện lực	4.336.888.887	6.816.249.999
Cộng	13.827.616.598	10.602.511.689

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	30.439.120	65.220.060
Phải trả cổ tức cho cổ đông	6.012.737.312	5.048.794.412
Công ty Cổ phần Tư vấn XD Điện 3	-	112.000.000
Các khoản phải trả khác	807.039.182	725.462.544
Cộng	6.850.215.614	5.951.477.016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	182.618.248.446	260.242.248.446
- Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam (1)	42.618.248.446	85.242.248.446
- Vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (2)	140.000.000.000	175.000.000.000
Cộng	182.618.248.446	260.242.248.446

- (1) Là khoản vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 01/EVN- Thác Mơ/TCKT ngày 02/01/2009 với mục đích điều chỉnh cơ cấu vốn Nhà nước trong phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ. Thời hạn vay là 8 năm kể từ ngày 01/01/2008 đến ngày 10/10/2015, tiền gốc và lãi vay được trả mỗi năm 2 kỳ. Từ 2011 đến 2015 lãi suất cho vay là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng, trả lãi sau theo lãi suất bình quân của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn cộng chi phí biên.
- (2) Là khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 04/2008/HĐTD - TCĐL ngày 09/10/2008 với mục đích tái cơ cấu nguồn vốn vay sau cổ phần hóa. Thời hạn vay tối đa 10 năm kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên, gốc và lãi được trả 3 tháng /lần từ ngày 11/04/2009. Từ 11/07/2010 trở đi, lãi suất cho vay là lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, lãi trả sau của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, cộng với lãi suất biên.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tổng Công ty Phát Điện 2 - Cổ đông nhà nước nắm giữ 36.341.500 cổ phần tương ứng với 363.415.000.000 đồng, chiếm 51,92% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 33.658.500 cổ phần tương ứng với 336.585.000.000 đồng, chiếm 48,08% vốn điều lệ.

16.1 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành, góp vốn đầy đủ	70.000.000	70.000.000
+ Cổ phiếu thường	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
+ Cổ phiếu thường	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu):</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN THÁC MƠ
Khu 5, P. Thác Mơ, Phước Long, Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.2 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2012	700.000.000.000	4.796.550.607	17.587.513.756	13.350.154.189	74.481.854.071	810.216.072.623
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	142.823.264.861	142.823.264.861
Phân phối lợi nhuận năm 2011	-	-	9.433.562.367	3.724.092.704	(13.157.655.071)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(5.324.199.000)	(5.324.199.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2011	-	-	-	-	(56.000.000.000)	(56.000.000.000)
Chuyển nguồn vốn	-	1.108.890.000	(1.108.890.000)	-	-	-
Tại 31/12/2012	700.000.000.000	5.905.440.607	25.912.186.123	17.074.246.893	142.823.264.861	891.715.138.484
Tại 01/01/2013	700.000.000.000	5.905.440.607	25.912.186.123	17.074.246.893	142.823.264.861	891.715.138.484
Lãi trong năm	-	-	-	-	149.430.503.527	149.430.503.527
Phân phối lợi nhuận năm 2012	-	-	24.636.741.361	7.141.163.000	(31.777.904.361)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(6.045.360.500)	(6.045.360.500)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2012 (*)	-	-	-	-	(105.000.000.000)	(105.000.000.000)
Chuyển nguồn vốn (**)	-	50.548.927.484	(50.548.927.484)	-	-	-
Tại 31/12/2013	700.000.000.000	56.454.368.091	-	24.215.409.893	149.430.503.527	930.100.281.511

(*) Thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 02/NQ-TMHP- ĐHĐCD ngày 28/05/2013 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

(**) Tăng Vốn khác của chủ sở hữu đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh được hình thành từ Quỹ đầu tư phát triển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.3 CÁC QUỸ

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	-	25.912.186.123
Quỹ dự phòng tài chính	24.215.409.893	17.074.246.893
Vốn khác thuộc chủ sở hữu	56.454.368.091	5.905.440.607

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	450.399.625.106	475.999.082.264
Trong đó:		
+ Doanh thu bán điện	441.580.553.138	467.584.211.464
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.819.071.968	8.414.870.800

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	213.722.772.176	215.613.233.530
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.213.838.147	6.531.086.073
Cộng	219.936.610.323	222.144.319.603

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.324.934.614	10.593.632.320
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.080.000.000	220.000.000
Cộng	22.404.934.614	10.813.632.320

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay dài hạn	37.410.915.849	57.941.346.432
Lỗ từ đầu tư tài chính dài hạn	131.918.868	51.048.000
Cộng	37.542.834.717	57.992.394.432

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Cho thuê mặt bằng	16.363.636	-
Thanh lý tài sản, thiết bị, vật tư	-	278.181.818
Doanh thu chuyển nhượng nhà máy nước OBF	-	8.910.157.070
Khác	957.716.935	408.617.471
Cộng	974.080.571	9.596.956.359

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thanh lý tài sản, thiết bị, vật tư	-	214.202.298
Chi phí dự án Nhà máy nước OBF	-	8.035.906.698
Khác	47.747.128	207.272.612
Cộng	47.747.128	8.457.381.608

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	197.004.947.127	190.500.945.285
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.707.172.727)	209.776.412
+ Chi phí không được trừ khi tính thuế	372.827.273	429.776.412
+ Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
+ Thu nhập không chịu thuế	(7.080.000.000)	(220.000.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	190.297.774.400	190.710.721.697
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành	47.574.443.600	47.677.680.424
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	47.574.443.600	47.677.680.424

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	149.430.503.527	142.823.264.861
Số điều chỉnh giảm	-	-
Số điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	149.430.503.527	142.823.264.861
Số cổ phiếu bình quân	70.000.000	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.135	2.040

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Vật Liệu	4.912.157.606	4.084.326.788
2. Lương và bảo hiểm xã hội	30.280.139.587	26.475.251.185
- Lương CNV	28.931.304.000	25.149.478.000
- BHXH, BHYT, KPCD, BHTN	1.348.835.587	1.325.773.185
3. Khấu hao TSCĐ	128.660.587.010	128.735.923.960
4. Các khoản dịch vụ mua ngoài	2.666.235.830	2.669.823.038
- Điện dùng nội bộ	78.154.853	84.735.435
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	2.588.080.977	2.585.087.603
5. Chi phí sửa chữa lớn	21.458.474.167	19.992.510.556
- Sửa chữa lớn thuê ngoài	16.562.182.819	16.072.903.200
- Sửa chữa lớn tự làm	4.896.291.348	3.919.607.356
6. Chi phí bằng tiền khác	44.991.678.972	50.970.028.018
- Thuế tài nguyên	21.904.247.015	25.404.334.541
- Phí môi trường rừng	14.868.331.180	18.933.803.060
- Thuế đất	41.184.000	41.301.000
- Ăn ca	1.060.622.500	1.025.619.000
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	44.596.664	91.326.084
- Dự phòng phải thu khó đòi	(311.013.191)	-
- Chi phí bằng tiền khác	7.383.710.804	5.473.644.333
Cộng từ 1 đến 6	232.969.273.172	232.927.863.545
Chi phí lãi vay	37.410.915.849	57.941.346.432
Cộng	270.380.189.021	290.869.209.977

26. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu với các bên liên quan	441.515.616.473	469.629.636.234
- Doanh thu bán hàng với Công ty mua bán điện	441.515.616.473	467.512.993.495
- Doanh thu thí nghiệm điện cho Công ty CP Thủy Điện Đăkrosa	-	243.628.850
- Doanh thu tài chính với Công ty CP Thủy điện Đăkrosa	-	1.873.013.889
Chi phí với các bên liên quan	37.410.915.849	57.941.346.432
- Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực	14.108.120.016	23.432.542.266
- Chi phí lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần điện lực	23.302.795.833	34.508.804.166
Góp vốn vào bên liên quan	55.040.761.872	95.675.996.828
- Góp vốn vào Công ty CP Mỹ Hưng Tây Nguyên	50.979.031.872	47.203.296.828
- Góp vốn vào Công ty CP Phong Điện Thuận Bình	3.400.000.000	200.000.000
- Góp vốn vào Công ty CP Thủy Điện Đăkrosa	661.730.000	48.272.700.000
- Góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ	-	1.400.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Các khoản phải thu	54.889.795.631	80.180.750.163
- Công ty mua bán điện	53.862.009.725	79.245.014.024
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2	92.049.767	-
- Công ty CP Thủy Điện Đăkrosa	935.736.139	935.736.139
	228.543.808	112.000.000
Các khoản phải trả		
- Công ty CP Đầu tư Khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ	180.392.831	-
- Trung tâm Công nghệ Thông tin - CN EVN	48.150.977	-
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3	-	112.000.000
	281.554.248.446	337.866.248.446
Các khoản vay		
- Vay của Tập đoàn Điện lực	106.554.248.446	127.866.248.446
- Vay của Công ty tài chính CP Điện lực	175.000.000.000	210.000.000.000
	13.827.616.598	10.602.511.689
Chi phí phải trả		
- Lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực	9.490.727.711	3.786.261.690
- Lãi vay phải trả Công ty tài chính CP Điện lực	4.336.888.887	6.816.249.999
	1.500.000.000	3.000.000.000
Các khoản cho vay		
- Cho Công ty CP Thủy Điện Đăkrosa vay	1.500.000.000	3.000.000.000

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	288.000.000	288.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát	157.200.000	157.200.000
Cộng	445.200.000	445.200.000

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động kinh doanh điện và các dịch vụ khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Năm 2013

Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài

Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi phí bộ phận

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Kinh doanh điện	Các lĩnh vực khác	Cộng
VND	VND	VND
441.580.553.138	8.819.071.968	450.399.625.106
441.580.553.138	8.819.071.968	450.399.625.106
213.722.772.176	6.213.838.147	219.936.610.323
227.857.780.962	2.605.233.821	230.463.014.783
		(19.246.500.996)
		211.216.513.787
		22.404.934.614
		(37.542.834.717)
		974.080.571
		(47.747.128)
		(47.574.443.600)
		-
		149.430.503.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP)

Năm 2012

Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài

Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi phí bộ phận

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Kinh doanh điện	Các lĩnh vực khác	Cộng
VND	VND	VND
467.584.211.464	8.414.870.800	475.999.082.264
467.584.211.464	8.414.870.800	475.999.082.264
215.613.233.530	6.531.086.073	222.144.319.603
251.970.977.934	1.883.784.727	253.854.762.661
		(17.314.630.015)
		236.540.132.646
		10.813.632.320
		(57.992.394.432)
		9.596.956.359
		(8.457.381.608)
		(47.677.680.424)
		-
		142.823.264.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.11.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị sổ sách	
	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	210.033.413.838	198.959.975.782
Đầu tư ngắn hạn	117.348.141.795	39.429.314.572
Phải thu khách hàng	57.728.795.508	83.401.460.667
Các khoản phải thu khác	29.142.137.922	21.392.983.618
Đầu tư dài hạn khác	152.080.000.000	162.058.000.000
Cộng	566.332.489.063	505.241.734.639
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	12.342.533.796	11.189.879.457
Vay và nợ	281.554.248.446	337.866.248.446
Chi phí phải trả	13.827.616.598	10.602.511.689
Các khoản phải trả khác	6.850.215.614	5.951.477.016
Cộng	314.574.614.454	365.610.116.608

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong năm, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản tài chính đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty có ít giao dịch bằng ngoại tệ nên rủi ro tỷ giá của Công ty là thấp.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Tại 31/12/2013	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	12.342.533.796	-	-	12.342.533.796
Vay và nợ	98.936.000.000	182.618.248.446	-	281.554.248.446
Chi phí phải trả	13.827.616.598	-	-	13.827.616.598
Các khoản phải trả khác	6.850.215.614	-	-	6.850.215.614
Cộng	131.956.366.008	182.618.248.446	-	314.574.614.454
Tại 01/01/2013	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	11.189.879.457	-	-	11.189.879.457
Vay và nợ	77.624.000.000	225.242.248.446	35.000.000.000	337.866.248.446
Chi phí phải trả	10.602.511.689	-	-	10.602.511.689
Các khoản phải trả khác	5.951.477.016	-	-	5.951.477.016
Cộng	105.367.868.162	225.242.248.446	35.000.000.000	365.610.116.608

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Tại 31/12/2013	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	210.033.413.838	-	-	210.033.413.838
Đầu tư ngắn hạn	117.348.141.795	-	-	117.348.141.795
Phải thu khách hàng	57.728.795.508	-	-	57.728.795.508
Các khoản phải thu khác	29.142.137.922	-	-	29.142.137.922
Đầu tư dài hạn khác	-	-	152.080.000.000	152.080.000.000
Cộng	414.252.489.063	-	152.080.000.000	566.332.489.063
Tại 01/01/2013	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	198.959.975.782	-	-	198.959.975.782
Đầu tư ngắn hạn	39.429.314.572	-	-	39.429.314.572
Phải thu khách hàng	83.401.460.667	-	-	83.401.460.667
Các khoản phải thu khác	21.392.983.618	-	-	21.392.983.618
Đầu tư dài hạn khác	-	-	162.058.000.000	162.058.000.000
Cộng	343.183.734.639	-	162.058.000.000	505.241.734.639

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty đã được kiểm toán.

Bình Phước, ngày 17 tháng 03 năm 2014

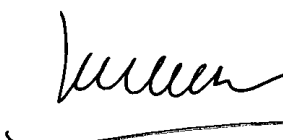
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hồ Thành Công



Huỳnh Văn Khánh



Nguyễn Thanh Phú



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán - Thuế - Tài chính doanh nghiệp - Đào tạo

Tổng số chi nhánh
Tầng 9 tòa nhà HI
82 đường Duy Tân - Cầu Giấy
Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: +844 3755 7446
Fax: +844 3755 7448
Trụ sở chính UHY Quốc Tế

Chi nhánh Hồ Chí Minh
46 Trương Quyền,
phường 6, quận 3,
TP. HCM, Việt Nam
Điện thoại: +848 38204 899
Fax: +848 38204 909
www.uhyvietnam.com.vn